

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 29/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.
2. Bà Trần Thị Bảo Hồng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2020/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST – DS ngày 06/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Hoàng L

Địa chỉ: 52A LQ, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Châu Văn H

Địa chỉ: 61 Đường 3643A PTH, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng: Ông Phạm Hữu Th

Địa chỉ: 45/40 NVĐ, Phường S, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Vũ Hoàng L trình bày:

Ngày 27/2/2020, ông L có cho ông Châu Văn H vay số tiền 300.000.000 đồng, có làm giấy tay hợp đồng cho vay tiền, hai bên thỏa thuận thời hạn ông H trả nợ là ngày 27/4/2020, thỏa thuận lãi suất là 20% một năm. Khi ký kết hợp đồng và giao tiền là tại nhà ông H số 61 Đường 3643A PTH Phường B Quận T Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng cho vay tiền đã được ông Châu Văn H ghi rõ nội dung: “27/02/2010, Đã nhận đủ 300.000.000<Ba trăm triệu đồng chẵn>”, ký tên và ghi rõ họ tên, mặt trước cũng do ông H ký xác nhận. Nội dung: “(lãi trước 10 ngày)” là do chính tay ông L ghi vì ông L định lấy lãi của ông H trước 10 ngày số tiền lãi nhưng ông H nói là khi trả tiền sẽ trả lãi luôn nên

ông L cũng đồng ý. Do đó từ lúc cho ông H vay đến nay ông L chưa nhận được số tiền lãi nào.

Nay ông L yêu cầu ông Châu Văn H hoàn trả cho ông L số tiền gốc đã mượn là 300.000.000 đồng và tiền lãi được tính theo quy định của pháp luật, thanh toán trọn một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án ông Phạm Hữu Th trình bày:

Do có quen biết với ông Châu Văn H và được ông H cho biết đang kẹt tiền làm ăn cần vay mượn nên ông Th có giới thiệu ông H với ông Vũ Hoàng L để ông H vay tiền của ông L. Đến ngày 27/02/2020 ông H có nói ông Th qua nhà ông H số 61 Đường 3643A Phạm Thế Hiển Phường 7 Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh để chứng kiến việc ông H và ông L ký hợp đồng vay tiền. Ông Th có qua chứng kiến việc ông H ký tên, ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền và ghi câu “27/02/2020 Đã nhận đủ 300.000.000 <Ba trăm triệu đồng chẵn>” và sau đó ông L đã đưa đủ 300.000.000 đồng cho ông H. Ông Th xác nhận có chứng kiến sự việc xảy ra nhưng không có ký tên làm chứng trong hợp đồng vay tiền. Ông Th cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật.

Đối với bị đơn Châu Văn H: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông H không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quá trình tố tụng:

Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường 7 Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định đương sự Châu Văn H sinh năm 1987 trước đây có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại 61 Đường 3643A PTH Phường B Quận T Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2020. hiện nay đương sự H đã bán nhà đi đâu không rõ từ tháng 3/2020 đến nay. Do đó Tòa án xác định địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông Châu Văn H là tại số 61 Đường 3643A PTH Phường B Quận T Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đơn khởi kiện của ông Vũ Hoàng L thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn là ông Châu Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Xét bị đơn là ông Châu Văn H đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà ông H vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông Vũ Hoàng L và bà Nguyễn Thị Ng là vợ chồng, căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 11/6/2019, tuy nhiên bà Ng đã xác định số tiền 300.000.000 đồng cho vay là nguồn tiền riêng của ông L và bà cam kết không khiếu nại hay tranh chấp bất cứ vấn đề gì liên quan đến số tiền này căn cứ vào Đơn xin xác nhận tài sản riêng ngày 29/7/2020. Do đó Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Ng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ việc vay tiền, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc

[2.2] Xét Hợp đồng vay tiền ngày 27/02/2020 do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay ông L đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông H dưới sự chứng kiến của ông Phạm Hữu Th. Do đó hợp đồng vay đã được xác lập đúng theo qui định pháp luật tại các Điều 116, 117, 118, 119, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về phần nợ vốn: Thời hạn vay được qui định trong hợp đồng là 2 tháng, nguyên đơn trình bày cho đến nay đã quá thời hạn vay là ngày 27/4/2020 nhưng ông H vẫn chưa trả số nợ vốn gốc. Do đó, ông L yêu cầu ông H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ vốn gốc đã vay 300.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L.

Về phần nợ lãi: Trong hợp đồng cho vay tiền có ghi nhận lãi suất 20%/năm nhưng từ khi ký kết hợp đồng và giao tiền là ngày 27/02/2020 cho đến nay ông H chưa thanh toán số tiền lãi này. Nguyên đơn yêu cầu ông H trả tiền nợ lãi được tính theo qui định pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất trong thời hạn vay 2 tháng từ ngày 27/2/2020 đến ngày 27/4/2020 là 20%/năm cụ thể như sau:

$$300.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 2 \text{ tháng} = 10.000.000 \text{ đồng}$$

Căn cứ Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất chậm trả từ ngày 28/4/2020 đến thời điểm xét xử ngày 29/01/2021 được tính theo mức 10%/năm. Tiền nợ lãi được tính cụ thể như sau:

$$300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 9 \text{ tháng} 1 \text{ ngày} = 22.583.333 \text{ đồng}$$

Tổng cộng số tiền vốn và lãi tính đến thời điểm xét xử là:

$$300.000.000 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng} + 22.583.333 \text{ đồng} = 332.583.333 \text{ đồng}$$

[2.3] Ông H phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền thanh toán cho ông L; Ông L không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 207, 208, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 116, 117, 118, 119, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Châu Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Hoàng L số tiền là 332.583.333 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu năm trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 32.583.333 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 27/02/2020. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Châu Văn H phải chịu là 16.629.166 đồng (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho ông Vũ Hoàng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0043823 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nhã